

**TOÀ ÁN N DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/03/2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN N DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Huỳnh Tài Em
2. Ông Liêu Tài Ngoánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Toà án N dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Toà án N dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX- ST ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** - Ông Lê Văn H, sinh năm: 1956 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Lập, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

*** Bị đơn:** - Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1961 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Mới, xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là ông Lê Văn H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N xây dựng hôn N gia đình vào năm 1988, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hai vợ chồng có 05 gười con chung tên Lê Văn Là, sinh năm: 1989; Lê Văn Rút, sinh năm: 1991; Lê Văn Rỡ, sinh năm: 1992; Lê Thị Kiều Tiên, sinh năm: 1994 và Lê Văn Sáng, sinh năm: 1996 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu. Nguyên N ly hôn là do bất đồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ

chồng không hạnh phúc. Hiện tại hai vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà N; con chung đã trưởng thành; Nợ chung, tài sản chung không có nên không yêu cầu. Ngoài ra không có ý kiến, hay yêu cầu gì khác.

* Đối với bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến

** Ý kiến của kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng; Về con chung đã trưởng thành; Tài sản chung nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết; Về án phí ông Lê Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N, cùng địa chỉ huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

Tại toà, ông Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn N: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1990, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N sống với nhau là hoàn toàn có thật, điều này đã được ông Lê Văn H thừa nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Điều 14 của Luật Hôn N và Gia đình quan hệ hôn N giữa ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N không phải là hôn N hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận nên không công nhận ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn H xác định vợ chồng ông có hai vợ chồng có 05 gười con chung tên Lê Văn Là, sinh năm: 1989; Lê Văn Rứt, sinh năm: 1991; Lê Văn Rỡ, sinh năm: 1992; Lê Thị Kiều Tiên, sinh năm: 1994 và Lê Văn Sáng, sinh năm: 1996 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn H xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu án phí hôn N và gia đình theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Hòa Bình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn N và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn N: Không công nhận ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ông Lê Văn H xác định vợ chồng ông có hai vợ chồng có 05 gười con chung tên Lê Văn Là, sinh năm: 1989; Lê Văn Rứt, sinh năm: 1991; Lê Văn Rỡ, sinh năm: 1992; Lê Thị Kiều Tiên, sinh năm: 1994 và Lê Văn Sáng, sinh năm: 1996 hiện nay đã trưởng thành và có cuộc sống riêng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Văn H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Lê Văn H phải chịu án phí hôn N và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tuy nhiên ông H thuộc diện người cao tuổi được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên ông H được miễn không phải nộp.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nam

